

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :284

Sang : Cháo bột nấu chín rau xanh mềm
Sữa gạo
Trà : Cháo cá ba sa chiên giòn sốt tôm cá.
Canh chua rau muống tôm khô thịt heo nạc
Món xào: mướp nam
Trang miêng: táo giòn
Xé: sữa gạo
Xé chiên: Nui giòn của tôm nam mướp cá rô
sủ sủ

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37021				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	3,000	1,060	31,800
2	Cá ba sa	11,000	13,550	1,490,500
3	Cua ghe	500	92,400	46,200
4	Tôm khô	200	78,100	15,620
5	Nộm cá (loại 1)	3,000	6,160	18,480
6	Dầu thảo mộc	6,000	6,280	37,680
7	Nộm cá	3,000	3,880	11,640
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Tôm cá*	1,000	8,250	82,500
10	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
11	Nấu xanh hạt	500	7,140	35,700
12	Bột mì loại 1	3,000	4,730	141,900
13	Mè (vừng)	300	11,880	35,640
14	Hành lá	1,200	5,460	65,520
15	Hành củ tỏi	1,000	6,300	63,000
16	Cá rô	2,500	5,780	144,500
17	Nuôi nấu chín	3,000	3,890	116,700
18	Mướp	4,800	4,200	201,600
19	Nam rôm	1,200	14,180	170,160
20	Sủ sủ	1,000	3,470	34,700
21	Rau muống	6,000	3,570	214,200
22	Nui	7,000	3,300	231,000
23	Thịt lợn loại 1	2,600	37,800	982,800
24	Thịt lợn nạc	5,500	18,480	1,016,400
25	Táo tây	15,000	7,770	1,165,500
26	Quat chín (cá rô)	3,000	4,730	141,900
Cong				8,279,520
	*XUẤT KHO			
27	Sữa bột Abbott Grow	10,900	20,500	2,234,500
Cong				2,234,500
Tổng tiền thức phẩm				10,514,020 đ
Chi phí khác				0 đ
Tiền nòng chi trong ngày				10508000 đ
Số dư đầu ngày				0 đ
Số dư cuối ngày				-6020 đ
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				